



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ II/2025	T01-06/2025
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	12.034.894.867	22.510.346.330
	Lãi cho vay	11.863.782.000	22.244.830.000
	Lãi từ tiền gửi ngân hàng	171.112.867	265.516.330
2	Tổng Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	2.566.693.041	5.217.090.821
	Chi phí lãi tiền gửi tiết kiệm	234.865.500	489.420.300
	Chi phí lãi vốn vay	42.128.427	70.928.308
	Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	2.289.699.114	4.656.742.213
I	Thu nhập lãi thuần (1)-(2)	9.468.201.826	17.293.255.509
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-	-
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	9.970.360	30.387.804
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3)-(4)	(9.970.360)	(30.387.804)
III.	Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	-	-
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác	5.669.279	8.800.015
6	Chi phí từ hoạt động khác	1.400.000	27.420.000
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5)-(6)	4.269.279	(18.619.985)
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-
VIII.	Chi phí hoạt động	5.450.315.662	10.080.580.166
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I)+(II)+(III)+(IV)+(V)+(VI)+(VII)-(VIII)	4.012.185.083	7.163.667.554
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(298.206.078)	(303.751.285)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế (IX)-(X)	4.310.391.161	7.467.418.839
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
XIII.	Lợi nhuận sau thuế (XI)-(XII)	4.310.391.161	7.467.418.839
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

Người lập bảng
(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Giám đốc
(Ký, ghi họ tên)



Trần Thị Thanh Thụy

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	TÀI SẢN	QUÍ I/2025	QUÍ II/2025
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	56.657.000	38.313.500
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước		0
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	25.497.062.444	88.586.784.988
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	25.497.062.444	88.586.784.988
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		
IV.	Chứng khoán kinh doanh	0	0
1	Chứng khoán kinh doanh		
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0
VI.	Cho vay khách hàng	310.494.525.428	238.407.070.906
1	Cho vay khách hàng	312.809.289.800	240.402.386.900
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-2.314.764.372	-1.995.315.994
VII.	Chứng khoán đầu tư	0	0
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	0	0
1	Đầu tư vào công ty con		
2	Góp vốn liên doanh		
3	Đầu tư vào công ty liên kết		
4	Đầu tư dài hạn khác		
IX.	Tài sản cố định	3.442.425	532.008
1	Tài sản cố định hữu hình	3.442.425	532.008
a	- Nguyên giá tài sản cố định	506.137.100	506.137.100
b	- Hao mòn tài sản cố định	-502.694.675	-505.605.092
2	Tài sản cố định vô hình	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	304.000.000	304.000.000
b	- Hao mòn tài sản cố định	-304.000.000	-304.000.000
X.	Tài sản có khác	3.142.721.656	1.086.895.221
1	Các khoản phải thu	2.590.614.087	884.395.221
2	Các khoản lãi, phí phải thu	304.107.569	0
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
4	Tài sản có khác	248.000.000	202.500.000
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	339.194.408.953	328.119.596.623

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)			
	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	QUÍ 1/2025	QUÍ II/2025
I.	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	0	0
II.	Tiền gửi - vay các TCTD và các tổ chức khác	0	0
1	Tiền gửi của các TCTD khác		
2	Vay các TCTD khác	0	0
III.	Tiền gửi của khách hàng	81.636.353.400	71.371.869.500
IV.	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0
V.	Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	39.204.363.593	36.472.449.766
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	0	0
VII.	Các khoản nợ khác	4.212.929.676	1.824.123.912
1	Các khoản lãi, phí phải trả	377.018.739	574.730.766
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	3.835.910.937	1.249.393.146
	Cộng nợ phải trả	125.053.646.669	109.668.443.178
VIII.	Vốn và các quỹ	214.140.762.284	218.451.153.445
1	Vốn của tổ chức tín dụng	210.983.734.606	210.983.734.606
	Vốn điều lệ	6.204.398.851	6.204.398.851
	Vốn khác	204.779.335.755	204.779.335.755
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	0	0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối	3.157.027.678	7.467.418.839
	a. Năm trước	0	0
	b. Năm nay	3.157.027.678	7.467.418.839
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	339.194.408.953	328.119.596.623

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên)



Trần Thị Thanh Thụy

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÝ II/2025	T01-06/2025
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	4.310.391.161	7.467.418.839
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2.910.417	5.820.834
03	Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/ (hoàn nhập) trong năm	(298.206.078)	(303.751.285)
04	Lãi và phí phải thu trong kỳ/(thực tế chưa thu)		
05	Lãi và phí phải trả trong kỳ/(thực tế chưa trả)	574.730.766	574.730.766
06	(Lãi)/ lỗ do thanh lý tài sản cố định		
07	(Lãi)/ lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư		
08	(Lãi)/ lỗ do thanh lý các khoản đầu tư/ góp vốn vào dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HĐ đầu tư, góp vốn dài hạn		
09	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		
10	Các điều chỉnh khác		
	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	4.589.826.266	7.744.219.154
	Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		
	<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
11	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác		
12	(Tăng)/Giảm các khoản kinh doanh chứng khoán		
13	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		
14	(Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	72.406.902.900	83.504.485.600
15	(Tăng)/Giảm lãi, phí phải thu	304.107.569	2.102.298.128
16	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(21.242.300)	(42.925.400)
17	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	1.751.718.866	2.945.923.883
	<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
18	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		
19	Tăng/(Giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	-	-
20	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	(10.264.483.900)	(15.576.919.700)
21	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		
22	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác, đầu tư, và cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(2.731.913.827)	(6.046.889.288)
23	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		
24	Tăng/(Giảm) lãi, phí phải trả	(377.018.739)	(276.542.936)
25	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(2.586.517.791)	(5.974.847.279)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	63.071.379.044	68.378.802.162
26	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
27	Chi từ các Quỹ của TCTD	-	-
	I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	63.071.379.044	68.378.802.162

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tiếp theo)			
Mã số	CHỈ TIÊU	QUÝ II/2025	T01-06/2025
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1	Mua sắm tài sản cố định	-	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
4	Mua sắm bất động sản đầu tư		
5	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		
6	Tiền chi từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		
7	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)		
8	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)		
9	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		
	II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-	-
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1	Tăng (Giảm) vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/ hoặc phát hành cổ phiếu		
2	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
3	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
	III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
IV	IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	63.071.379.044	68.378.802.162
V	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	25.553.719.444	20.246.296.326
VI	VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		
VII	VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	88.625.098.488	88.625.098.488

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tòng Linh

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên)



Trần Thị Thanh Thụy